

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 17-4-2019

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến;
 Ông Lê Tự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt 30 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” đã được xóa án tích. Bị cáo đầu thú ngày 10/6/2017 và bị tạm giữ cho đến ngày 24/7/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Bùi Bá D - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Người làm chứng đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
Chị Hoàng Thị Q, địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện K1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- **Người đại diện theo pháp luật cho người làm chứng Hoàng Thị Q:** bà Ma Thị V, địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện K1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hoàng Thị Q: Luật sư Trương Thị P1, Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Nguyễn Thị N1, địa chỉ: 276 Đường L, phường Thắng Lợi, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Phạm Thị Anh H, địa chỉ: 107 Đường L, phường P2, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Phạm Thị T3, địa chỉ: 193 Đường P1, thôn 2, xã T1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Huỳnh Ngọc L1, địa chỉ: Thôn 1, xã N2, huyện K1, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo không kháng cáo Trần Thị Diệu T4 (tên gọi khác: N3). Sinh ngày: 21/9/1994 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: 356 đường Y, tổ 2, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/6/2017, Trần Thị Diệu T4 (tên thường gọi là Nhi, HKTT: tổ 09, phường Iakring, thành phố P, tỉnh Gia Lai) sử dụng tài khoản “*Tran T4 Nhi*” vào mạng xã hội Facebook thấy mục “*81 Gia Lai*” có tài khoản “*Dong thoi gian*” của Hoàng Thị Q sinh năm 2001, thường trú tại thôn 04, xã S, huyện K1, tỉnh Gia Lai đăng tin tìm việc làm lương cao và để lại số điện thoại thì T4 nhắn tin giới thiệu công việc qua Facebook cho Q. Đến ngày 04/6/2017, T4 và bạn là Yên (chưa xác định nhân thân lai lịch) đi đến bùng binh P3 thì gặp Q và bạn của Q là Cù Nhật Đăng T5 (thường trú tại tổ 12, phường T6, thị xã A, tỉnh Gia Lai) đang đi bộ nên T4 mời vào quán uống nước. Tại đây, T4 nói với Q và T5 là cần người đi phục vụ quán karaoke lương tháng từ 04 triệu đồng đến 06 triệu đồng thì Q và T5 đồng ý. Vào khoảng 15 giờ ngày 05/6/2017, T4 gặp Q và T5 tại quán cà phê Ngọc Sê ở đường N4, hai bên thỏa thuận mức lương là 06 triệu đồng một tháng và ký vào hợp đồng do T4 viết tay. Đến trưa ngày 06/6/2017, Q và T5 dọn đồ về ở cùng nhà trọ của T4 thuê tại địa chỉ số 169/22 đường N4, tổ 16, phường P3, thành phố

P, tỉnh Gia Lai.

Khoảng 02 giờ ngày 07/6/2017, có ba người khách nam giới vào khách sạn HH II (địa chỉ số 107 đường L, phường P3, thành phố P, tỉnh Gia Lai) do Nguyễn Lê Nhật T (HKTT: tại thôn Đ, xã B1, thành phố P, tỉnh Gia Lai) làm lễ tân kiêm bảo vệ để thuê phòng nghỉ. T cho khách thuê các phòng 404, 301 và 303 với giá 200.000đ/phòng, T ghi vào sổ lưu trú phòng 404 khách đăng ký tên Nguyễn Minh T6 sinh năm 1989 số chứng minh nhân dân 230740138, nơi đăng ký Gia Lai; phòng 301 khách đăng ký tên Nguyễn Tuấn A1 sinh năm 1990; phòng 303 khách đăng ký tên Nguyễn Thành T7 sinh năm 1982, khách ở các phòng 301 và 303 không có giấy tờ tùy thân nên được Nguyễn Minh T6 bảo lãnh. Sau khi nhận phòng, Nguyễn Tuấn A1 và Nguyễn Thành T7 xuống quầy lễ tân gặp T yêu cầu gọi gái bán dâm đến phòng 301 và 303 để mua dâm. T đồng ý và thỏa thuận số tiền mua dâm một người là 1.000.000 đồng thì Tuấn A1 và T7 đồng ý và lấy 2.000.000 đồng đưa cho T. Do quen biết T4 vào khoảng tháng 4/2017, T4 có nói T khi nào có khách mua dâm thì gọi cho T4 nên T sử dụng máy điện thoại hiệu Mobistar có số sim 01655.815.878 gọi vào số máy di động 0868.613.709 của Trần Thị Diệu T4, hai bên thỏa thuận giá 700.000 đồng một người bán dâm. Sau đó, T4 nói Phụng (chưa xác định nhân thân lai lịch) qua nhà T4 chở Q đến khách sạn HH II để bán dâm.

Phụng đi xe taxi đến nhà T4 rồi Phụng điều khiển xe mô tô 81B1 - 271.30 chở Q đến khách sạn HH II. Khi đến nơi Phụng được T chỉ phòng 301 và 303 là nơi có khách đợi mua dâm. Phụng vào phòng 301 bán dâm cho khách còn Q vào phòng 303. Khi vào phòng, thấy T7 chờ sẵn, Q tự cởi đồ của mình ra rồi mang bao cao su vào dương vật của T7, cả hai quan hệ tình dục xong thì nằm ngủ. Đến 05 giờ cùng ngày, Phụng gõ cửa gọi Q dậy, Phụng xuống quầy lễ tân gặp T lấy 1.400.000đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) rồi chở Q về nhà trọ của T4 đưa cho T4 số tiền 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) là số tiền bán dâm của Q. Còn số tiền Phụng bán dâm được, Phụng tự giữ.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 08/6/2017, Q lấy số điện thoại 01646937114 là số điện thoại của T5 nhắn tin cho bạn tên Huỳnh Ngọc L1 nói Q bị bắt viết giấy nợ và ép đi bán dâm, không cho về. Ngay sau đó, L1 đã thông báo cho bà Ma Thị V là mẹ của Q biết. Đến sáng ngày 08/6/2017, bà Ma Thị V tới Công an phường P3, thành phố P trình báo sự việc trên. Sau khi nhận được tố giác của bà V, Công an phường P3, thành phố P đi kiểm tra hành chính tại nhà trọ T4 thuê. Tại thời điểm đó tại nhà trọ T4 thuê có Q và Huỳnh Quang T6 (sinh năm 1999, HKTT: Phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Công an Phường P3 đã mời Q và T6 về Công an phường P3 làm việc. Tại Công an phường P3, Q đã làm đơn trình

báo về hành vi môi giới mại dâm của T4 và hành vi bán dâm của mình tại Khách sạn HH II vào 02 giờ sáng ngày 07/6/2017.

Ngày 09/06/2017, Trần Thị Diệu T4 đến Công an phường P3 đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 10/6/2017, Công an phường P3 mời T lên làm việc. Tại đây, T đã đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại biên bản xác định địa điểm: Hiện trường xảy ra tại phòng số 303, tầng 2, khách sạn HH II số 107 Đường L, tổ 13, phường P3, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 894/C54C ngày 25/12/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận độ tuổi của Hoàng Thị Q: “*Tại thời điểm giám định (tháng 12 năm 2017) là: Từ 16 năm đến 16 năm 6 tháng*”. Theo Kết luận giám định, tại thời điểm bán dâm (07/6/2017), Q từ 15 tuổi 05 tháng 17 ngày đến 15 tuổi 11 tháng 17 ngày là dưới 16 tuổi.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Nhật T phạm tội “*Chứa mại dâm*” Tuyên bố bị cáo Trần Thị Diệu T4 phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Nhật T 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/6/2017 đến ngày 24/7/2018).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần phần hình phạt của bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 bị cáo Nguyễn Lê Nhật T kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm, cho rằng các cơ quan tố tụng chưa xác định được người mua dâm, chỉ dựa vào lời khai của Hoàng Thị Q là chưa đủ cơ sở để kết tội; đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “*Chứa mại dâm*”, bị cáo chỉ phạm tội “*Môi giới mại dâm*” và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bị cáo Nguyễn Lê Nhật T là nhân viên làm thuê, vào thời điểm xảy ra vụ

án bị cáo là người trực Lễ tân và kiêm bảo vệ. Theo chức năng, quyền hạn bị cáo có toàn quyền quyết định và sắp xếp cho khách nghỉ tại khách sạn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Chứa mại dâm*” là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Qua tranh luận, Kiểm sát viên nhận thấy các cơ quan tố tụng ở cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót như ý kiến của Luật sư là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra và xét xử lại.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Nhật T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bị cáo T bị xét xử về tội “*Chứa mại dâm*” là chưa chính xác; đồng thời Cơ quan điều tra có nhiều thiếu sót như: Xác định tư cách tham gia tố tụng của Hoàng Thị Q là người làm chứng là không đúng; bị cáo T bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nhưng quá trình lấy lời khai tại Cơ quan điều tra không có người giám hộ là vi phạm nghiêm trọng tố tụng; không trích xuất camera để truy cứu trách nhiệm người mua dâm Q và chủ khách sạn là bỏ lọt tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm để điều tra và xét xử lại.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Lê Nhật T: Thông nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Hoàng Thị Q: Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo đúng qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo bị cáo cho rằng không phạm tội “*Chứa mại dâm*”, bị cáo chỉ phạm tội “*Môi giới mại dâm*” và xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Lê Nhật T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo T4 và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 2 giờ ngày 07/6/2017 tại khách sạn HH II, Nguyễn Tuấn A1 và Nguyễn Thành T7 thuê phòng 301 và 303 yêu cầu T (là nhân viên lễ tân kiêm bảo vệ tại khách sạn) gọi gái bán dâm. Sau khi thỏa thuận giá cả với khách xong, Nguyễn Lê Nhật T gọi điện thoại cho Trần Thị Diệu T4 yêu cầu điều gái bán dâm, T4 đã gọi Hoàng Thị Q và Phụng (chưa xác định nhân thân lai lịch) đến khách sạn để bán dâm. Theo kết luận giám định Hoàng Thị Q vào thời điểm bán dâm từ 15 tuổi 05 tháng 17 ngày đến 15 tuổi 11 tháng 17 ngày (dưới 16 tuổi). Tuy nhiên, qua xem xét lại thời điểm giám định là tháng 12 năm 2017; do không xác định được ngày nên phải áp dụng theo hướng có lợi về cách tính độ tuổi cho bị cáo. Do vậy, cần tính từ thời điểm là ngày 01/12/2017, trừ lùi lại thời điểm bán dâm là ngày 07/6/2017 thì Hoàng Thị Q đã đủ 16 tuổi 07 ngày. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo

Nguyễn Lê Nhật T đã phạm vào tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 05 năm tù đến 10 năm tù. Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là không đúng, cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Đối với kháng cáo của bị cáo T cho rằng bị cáo chỉ phạm vào tội “*Môi giới mại dâm*” là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, trong ca trực tối ngày 07/6/2017 tại khách sạn HH II bị cáo là người trực tiếp quản lý, toàn quyền quyết định việc bố trí khách nghỉ tại khách sạn và đã thoả thuận gọi gái mại dâm đến cho khách, phù hợp với định tại mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì: “*Trong trường hợp chủ hoặc người quản lý khách sạn, nhà trọ... gọi gái mại dâm đến cho khách để họ mua bán dâm ngay tại khách sạn, nhà trọ... thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của người gọi gái mại dâm thì người đó chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về “Tội chứa mại dâm” ...*”.

[2] Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét vận dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng: Toà án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Lê Nhật T phạm tội hai lần được qui định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là không chính xác. Bởi vì, quá trình lấy lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm mới chỉ hỏi bị cáo T “*thu bao nhiêu tiền*”, bị cáo trả lời “*thu 02 người/02 triệu đồng*”, chưa làm rõ cả hai người cùng trả tiền hay chỉ một người đứng ra trả tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm khi hỏi về vấn đề này bị cáo khai “*Hai người cùng xuống hỏi có gái bán dâm không nhưng chỉ một người đứng ra trả tiền, còn ai là người trả tiền do lâu rồi bị cáo không nhớ*”; vì vậy, xác định bị cáo T phạm tội 02 lần là không đúng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã đến Công an đầu thú, tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T đã ra đầu thú và tự thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình nhưng Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót; mặc khác, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo và đã ăn năn hối cải; đồng thời, bị cáo đang bị thương tích nặng do bị tai nạn giao thông hiện đang bị bệnh do nhiễm trùng vết mổ trán trái, phải tháo bỏ nắp sọ titan hiện đang điều trị ở Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh ảnh hưởng nghiêm trọng đối với sức khỏe và tính mạng của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy xét xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ răn đe giáo dục đối với bị cáo và cũng để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt, sớm có điều kiện trở về hoà nhập với cộng đồng xã hội.

[3] Đối với bị cáo Trần Thị Diệu T4: Do độ tuổi của Hoàng Thị Q được xác định lại nên cũng cần phải xét xử lại theo điểm a khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015 mới phù hợp. Tuy nhiên, do bị cáo không cáo và Toà án cấp sơ thẩm cũng đã áp

dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T4 04 năm tù là phù hợp, không nặng nên không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm để xét xử lại.

[4] Đối với ý kiến của Luật sư và Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình tố tụng Cơ quan điều tra có nhiều vi phạm về tố tụng như đã nêu; tuy nhiên, xét thấy tuy bị cáo T do bị thương tật có là ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần nhưng chưa đến mức không làm chủ được bản thân, cần phải có người giám hộ trong khi lấy lời khai; về xem xét trách nhiệm hình sự của Chủ khách sạn, Cơ quan điều tra cũng đã thực hiện điều tra nhưng không đủ cơ sở để chứng minh; về vấn đề Toà án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của Hoàng Thị Q là Người làm chứng là không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này Q có hai tư cách tham gia tố tụng vừa là Người làm chứng vừa là người có nghĩa vụ liên quan nên cũng có thiếu sót nhưng không cần thiết phải huỷ Bản án sơ thẩm.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của Luật sư đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm để điều tra và xét xử lại vụ án; có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần tội danh.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[7]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần tội danh. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê Nhật T về phần hình phạt, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Nhật T phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 327; điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Nhật T 05 (năm) tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/6/2017 đến ngày 24/7/2018).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông